Số: 606/TB-UBND
Thời gian ký: 2026-09-17T10:12:32+07:00

Phụ lục 2.10

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Nhóm các lĩnh vực thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Y tế

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày /9/2026 của UBND phường Quyết Thắng)

STT		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
I		**Lĩnh vực Dược phẩm**			
1	1	1.014203	Thẩm định điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân sự và đánh giá đáp ứng thực hành tốt đối với cơ sở có hoạt động phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc không vì mục đích thương mại (trường hợp cơ sở có đề nghị); Đánh giá định kỳ, đánh giá kiểm soát thay đổi về điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân sự đối với cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc, cơ sở bán lẻ thuốc.	2546/QĐ-BYT	
2	2	1.014100	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)	2547/QĐ-BYT	
3	3	1.014101	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ	2547/QĐ-BYT	
4	4	1.014092	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược cho người bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề dược theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật Dược) theo hình thức xét hồ sơ	2547/QĐ-BYT	
5	5	1.014104	Cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	2278/QĐ-BYT	
6	6	1.014105	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải là nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt	2278/QĐ-BYT	

STT		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
7	7	1.014078	Cho phép nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc có hạn dùng còn lại tại thời điểm thông quan ngắn hơn quy định	2278/QĐ-BYT	
8	8	1.014087	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	2278/QĐ-BYT	
9	9	1.014090	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh	2278/QĐ-BYT	
10	10	1.014099	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dược	2278/QĐ-BYT	
11	11	1.014102	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động	2014/QĐ-BYT	
12	12	1.014076	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	2014/QĐ-BYT	
13	13	1.014069	Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kệ thuốc.	2257/QĐ-BYT	
14	14	1.003068	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e Khoản 1 Điều 11 Thông tư 04/2018/TT-BYT	2669/QĐ-BYT	
15	15		Xác định trường hợp được bồi thường khi sử dụng vắc xin, sinh phẩm trong Chương trình tiêm chủng mở rộng, tiêm chủng chống dịch khi có đề nghị của người được tiêm chủng hoặc thân nhân của người được tiêm chủng	2002/QĐ-BYT	
II		**Lĩnh vực Thiết bị y tế**			
16	1	3.000447	Tiếp tục cho lưu hành thiết bị y tế trong trường hợp chủ sở hữu thiết bị y tế không tiếp tục sản xuất hoặc phá sản, giải thể đối với thiết bị y tế loại A, B	2075/QĐ-BYT	

STT		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
17	2	3.000448	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với thiết bị y tế loại A, B	2495/QĐ-BYT	
18	3	3.000449	Công bố đối với nguyên liệu sản xuất thiết bị y tế, chất ngoại kiểm chứa chất ma túy và tiền chất	3618/QĐ-BYT	
19	4	1.003029	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị y tế thuộc loại A, B	3618/QĐ-BYT	
20	5	1.003039	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D	3618/QĐ-BYT	
21	6	1.003006	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế	3618/QĐ-BYT	
III		**Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội**			
22	1	2.001661	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	2179/QĐ-BYT	
23	2	2.000027	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	2179/QĐ-BYT	
24	3	2.000025	Cấp Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	2179/QĐ-BYT	
25	4	1.014011	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân	2179/QĐ-BYT	
26	5	1.014010	Cấp Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân	2179/QĐ-BYT	
27	6	1.000091	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân	2179/QĐ-BYT	
IV		**Lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh**			
28	1	2.000559	Cấp Giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	2796/QĐ-BYT	
29	2	2.000552	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm	2796/QĐ-BYT	
30	3	1.006780	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ do mất, rách, hỏng	2796/QĐ-BYT	
31	4	1.001138	Cấp Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	2796/QĐ-BYT	
32	5	1.012291	Gia hạn giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	1629/QĐ-BYT	

STT		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
33	6	1.012290	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	1629/QĐ-BYT	
34	7	1.012289	Cấp mới giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	1629/QĐ-BYT	
35	8	1.012292	Điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng	1629/QĐ-BYT	
36	9	1.012279	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	1629/QĐ-BYT	
37	10	1.012278	Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	1629/QĐ-BYT	
38	11	1.012280	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh	1629/QĐ-BYT	
39	12	1.012276	Thu hồi giấy phép hành nghề đối với trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh	1629/QĐ-BYT	
40	13	1.012275	Đăng ký hành nghề	2045/QĐ_BYT	
41	14	1.012260	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám bệnh, chữa bệnh từ xa	2045/QĐ_BYT	
42	15	1.012258	Cho phép người nước ngoài vào Việt Nam chuyển giao kỹ thuật chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh hoặc hợp tác đào tạo về y khoa có thực hành khám bệnh, chữa bệnh	2045/QĐ_BYT	
43	16	1.012261	Đề nghị thực hiện thí điểm khám bệnh, chữa bệnh từ xa	2045/QĐ_BYT	

STT		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
44	17	1.012257	Cho phép tổ chức hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo theo đợt, khám bệnh, chữa bệnh lưu động thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 79 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh hoặc cá nhân khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo	2045/QĐ_BYT	
45	18	1.012281	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe, khám và điều trị HIV/AIDS	2045/QĐ_BYT	
46	19	1.012271	Cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	2495/QĐ-BYT	
47	20	1.012272	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	2495/QĐ-BYT	
48	21	1.012273	Gia hạn giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	2976/QĐ-BYT	
49	22	1.012262	Xếp cấp chuyên môn kỹ thuật	2976/QĐ-BYT	
V		**Lĩnh vực Phòng bệnh**			
50	1	2.000655	Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng	2002/QĐ-BYT	
51	2	1.013893	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do bị hỏng, bị mất.	2002/QĐ-BYT	
52	3	1.013879	Điều chỉnh giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính.	2002/QĐ-BYT	
53	4	1.013878	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III.	2002/QĐ-BYT	
54	5	1.013873	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính.	2002/QĐ-BYT	
55	6	1.013865	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do thay đổi tên của cơ sở xét nghiệm.	2002/QĐ-BYT	
56	7	1.013884	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do hết hạn.	2002/QĐ-BYT	
57	8	1.013036	Công bố cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	2002/QĐ-BYT	

STT		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
58	9	1.013037	Hủy hồ sơ công bố đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	2002/QĐ-BYT	
59	10	1.003580	Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II	2002/QĐ-BYT	
60	11	1.013895	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất, thay đổi cơ sở sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .	1684/QĐ-BYT	
61	12	1.013883	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế do trên thị trường không có sản phẩm hoặc phương pháp sử dụng phù hợp với nhu cầu của tổ chức, cá nhân xin nhập khẩu .	1684/QĐ-BYT	
62	13	1.013881	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế là quà biếu, cho, tặng .	1684/QĐ-BYT	
63	14	1.013880	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế phục vụ mục đích viện trợ .	1684/QĐ-BYT	
64	15	1.013872	Thông báo thay đổi nội dung, hình thức nhãn chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .	1684/QĐ-BYT	
65	16	1.013875	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế để nghiên cứu .	1684/QĐ-BYT	
66	17	1.013874	Gia hạn số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .	1684/QĐ-BYT	
67	18	1.013868	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tác dụng, liều lượng sử dụng, phương pháp sử dụng, hàm lượng hoạt chất, hàm lượng phụ gia cộng hưởng, dạng chế phẩm, hạn sử dụng, nguồn hoạt chất.	1684/QĐ-BYT	
68	19	1.013891	Đăng ký lưu hành bổ sung do đổi tên chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.	1684/QĐ-BYT	

STT		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
69	20	1.013887	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi quyền sở hữu số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .	1684/QĐ-BYT	
70	21	1.013892	Đình chỉ lưu hành, thu hồi số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	2093/QĐ-BYT	
71	22	1.013890	Công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động	2093/QĐ-BYT	
72	23	1.013860	Cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	2093/QĐ-BYT	
73	24	1.013886	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu	2495/QĐ-BYT	
74	25	1.013889	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu	2495/QĐ-BYT	
75	26	1.013035	Thu hồi Thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng đối với trường hợp nhân viên tiếp cận cộng đồng không tiếp tục tham gia thực hiện các biện pháp can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV	3555/QĐ-BYT	
VI		**Lĩnh vực Bảo trợ xã hội**			
76	1	2.000477	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội	2072/QĐ-BYT	
77	2	2.000282	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	2072/QĐ-BYT	
78	3	2.000286	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	2072/QĐ-BYT	
79	4	1.013817	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội	2072/QĐ-BYT	
80	5	1.012993	Đăng ký hành nghề công tác xã hội tại Việt Nam đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài	2072/QĐ-BYT	
81	6	1.012990	Cấp giấy xác nhận quá trình thực hành công tác xã hội	970/QĐ-BYT	
82	7	1.001806	Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật	970/QĐ-BYT	

STT		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
VII		**Lĩnh vực Bảo hiểm y tế**			
83	1	1.014193	Thủ tục khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế	2555/QĐ-BYT	
84	2	1.014140	Thủ tục thanh toán trực tiếp chi phí khám bệnh, chữa bệnh giữa cơ quan bảo hiểm xã hội và người tham gia bảo hiểm y tế	2306/QĐ-BYT	
85	3	1.014137	Thủ tục cấp thẻ bảo hiểm y tế	2306/QĐ-BYT	
86	4	1.014139	Ký phụ lục hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế	2306/QĐ-BYT	
87	5	1.014138	Ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế	2306/QĐ-BYT	
VIII		**Lĩnh vực Y dược cổ truyền**			
88	1	1.014037	Thủ tục công bố tiêu chuẩn chất lượng vị thuốc cổ truyền, dược liệu	4028/QĐ-BYT	
89	2	1.012416	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 4, 5 và khoản 6 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT	4036/QĐ-BYT	
90	3	1.012417	Cấp lại giấy chứng nhận lương y	4036/QĐ-BYT	
91	4	1.012419	Cấp lại giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền	4036/QĐ-BYT	
92	5	1.012415	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT	4036/QĐ-BYT	
93	6	1.012418	Cấp giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền	4036/QĐ-BYT	
94	7	1.009407	Công bố đáp ứng tiêu chuẩn chế biến, bào chế thuốc cổ truyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền trực thuộc quản lý của Sở Y tế	2831/QĐ-BYT	
95	8	1.008396	Đánh giá định kì việc duy trì đáp ứng Thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu và các nguyên tắc, tiêu chuẩn khai thác dược liệu tự nhiên (GACP)	1803/QĐ-BYT	

STT		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
96	9	1.008397	Đánh giá thay đổi, bổ sung việc đáp ứng Thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu và các nguyên tắc, tiêu chuẩn khai thác dược liệu tự nhiên (GACP)	1803/QĐ-BYT	
97	10	1.008395	Đánh giá việc đáp ứng Thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu và các nguyên tắc, tiêu chuẩn khai thác dược liệu tự nhiên (GACP)	1803/QĐ-BYT	
98	11	1.008398	Cấp lại Giấy chứng nhận dược liệu đạt GACP trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	1803/QĐ-BYT	
IX		**Lĩnh vực Giám định**			
99	1	1.013876	Miễn nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần.	3574/QĐ-BYT	
100	2	1.013871	Bổ nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần.	3574/QĐ-BYT	
X		**Lĩnh vực An toàn thực phẩm**			
101	1	1.013855	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế	2495/QĐ-BYT	
102	2	1.013862	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.	2495/QĐ-BYT	
103	3	1.013858	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	2495/QĐ-BYT	
104	4	1.013851	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dọỉỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	2495/QĐ-BYT	
105	5	1.013857	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước.	2495/QĐ-BYT	
106	6	1.013854	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước.	2495/QĐ-BYT	

STT		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
107	7	1.013847	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế (CFS).	2495/QĐ-BYT	
108	8	1.013850	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước.	2495/QĐ-BYT	
109	9	1.013844	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nhiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á-Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025	2495/QĐ-BYT	
110	10	1.013829	Cấp giấy chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu.	2495/QĐ-BYT	
111	11	1.013838	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế.	2495/QĐ-BYT	
112	12	1.013841	Miễn kiểm tra giám sát đối với cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nhiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025.	2076/QĐ-BYT	
113	13	1.006424	Đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe	2078/QĐ-BYT	

STT		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
XI		**Lĩnh vực Đào tạo và Nghiên cứu khoa học**			
114	1	1.013824	Cấp giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đủ điều kiện kiểm tra và công nhận biết tiếng Việt thành thạo hoặc sử dụng thành thạo ngôn ngữ khác hoặc đủ trình độ phiên dịch trong khám bệnh, chữa bệnh.	1420/QĐ-BYT	
115	2	1.004539	Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố	5125/QĐ-BYT	
XII		**Lĩnh vực Thi đua, khen thưởng**			
116	1	1.012422	Đề nghị xét tặng Danh hiệu "Thầy thuốc Nhân dân", "Thầy thuốc Ưu tú"	2234/QĐ-BYT	
117	2	1.009346	Xét tặng giải thưởng Đặng Văn Ngữ trong lĩnh vực Y tế dự phòng	5444/QĐ-BYT	
118	3	1.009249	Xét tặng giải thưởng Hải Thượng Lãn Ông về công tác y dược cổ truyền	2244/QĐ-BYT	
XIII		**Lĩnh vực Trẻ em**			
119	1	1.004946	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	2082/QĐ-BYT	
120	2	1.004944	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	2082/QĐ-BYT	
XIV		**Lĩnh vực Mỹ phẩm**			
121	1	1.003073	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	4708/QĐ-BYT	
122	2	1.003064	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	745/QĐ-BYT	
123	3	1.003055	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	745/QĐ-BYT	
124	4	1.002600	Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước	2393/QĐ-BYT	
125	5	1.002238	Xác nhận Đơn hàng nhập khẩu mỹ phẩm dùng cho nghiên cứu, kiểm nghiệm	2393/QĐ-BYT	

STT		Mã số	Tên thủ tục hành chính	QĐ công bố	Ghi chú
126	6	1.009566	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với mỹ phẩm sản xuất trong nước để xuất khẩu	3246/QĐ-BYT	